

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Chuyển 10 SV qua PM 4

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902604

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Ngày thi: 21/11/2023

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: P. Q. Sany

Ký tên: M.

Giám thị 2: T. T. Hoa

Ký tên: Nant

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005	HT				C25LG1	
2	2310160027	Nguyễn Ánh Như	06/05/2005	AN				C25TM1	
3	2310150022	Lê Minh Nhựt	24/01/2005	LN				C25LG1	
4	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	TO				C22QT5	
5	2310150051	Mai Vũ Phong	18/09/2002	MP				C25LG2	
6	2310160032	Lê Thanh Hoài Phú	02/11/2004	LP				C25TM1	
7	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005	CP				C25LG1	
8	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005	DP				C25LG2	
9	2310160038	Nguyễn Nhựt Hà Phương	01/10/2005	NP				C25TM2	
10	2310160019	Trần Trúc Phương	26/10/2005	TP				C25TM1	
11	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005	QH				C25LG2	
12	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005	KT				C25LG2	
13	2310160033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	26/06/1996	TT				C25TM1	
14	2310160005	Phạm Thị Ngọc Thảo	26/09/2005	PT				C25TM1	
15	2310150023	Lê Hữu Thắng	13/07/2005	LT				C25LG1	
16	2310160021	Đinh Như Thiện	27/06/2005	DN				C25TM1	
17	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005	NN				C25LG1	
18	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005	NH				C25LG2	
19	2310040022	Nguyễn Ngô Nhật Thuận	02/04/2005	NN				C25TM1	
20	2310150043	Lê Thái Minh Thư	14/10/2005	LT				C25LG2	
21	2310160018	Nguyễn Hoàng Kim Thư	17/03/2005	NH				C25TM1	
22	2310160013	Nguyễn Trần Anh Thư	10/12/2005	NT				C25TM1	
23	2310160007	Đoàn Thị Mỹ Tiên	31/03/2005	DM				C25TM1	
24	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	LT				C25LG2	
25	2310160023	Trần Thị Cẩm Tiên	24/12/2005	TT				C25TM1	
26	2310160003	Huỳnh Thị Kim Trang	17/02/2005	HT				C25TM1	
27	2310150030	Trần Ngọc Trọng	04/01/2005	TN				C25LG1	
28	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	NT				C25LG1	✓
29	2310160037	Nguyễn Minh Tú	23/11/2005	NM				C25TM2	
30	2310150042	Nguyễn Cẩm Tự	30/10/2005	NC				C25LG2	
31	2310150009	Nguyễn Mẫn Vinh	15/07/2005	NM				C25LG1	
32	2310160025	Lê Hoàng Vũ	30/09/2005	LV				C25TM1	
33	2310150029	Lê Thị Thanh Vy	24/04/2005	LT				C25LG1	~
34	2310160012	Lê Thị Thúy Vy	10/03/2005	LV				C25TM1	
35	2310150010	Phạm Ngọc Thảo Vy	03/10/2004	PN				C25LG1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
36	2310160024	Trần Lê Vy	21/07/2005	<i>lv</i>				C25TM1	
37	2310150004	Nguyễn Hồng Yến	06/11/2005	<i>yn</i>				C25LG1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 02 Số bài thi/Số tờ: 35 / 1.

Số sinh viên đạt: 35 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đào Thị Hồng Hạnh

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Tương Thị Ngọc Thu



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2023-2024

Môn học: Tiếng Anh 1

Mã bài thi: X44RLE

Thời gian thi: 21/11/2023 09:30:00

Thời gian kết thúc: 21/11/2023 10:30:00

Giám thị 1: Trần Thị Hoa Ký tên: Trần Thị Hoa

Giám thị 2: P. Q. B. B. B. Ký tên: P. Q. B. B. B.

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005	<u>HN</u>	7.8	Bảy, tám	C25LG1	
2	2310160027	Nguyễn Ánh Như	06/05/2005	<u>AN</u>	9.2	Chín, hai	C25TM1	
3	2310150022	Lê Minh Nhựt	24/01/2005	<u>LN</u>	7	Bảy	C25LG1	
4	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	<u>TO</u>	7.6	Bảy, sáu	C22QT5	
5	2310150051	Mai Vũ Phong	18/09/2002	<u>MP</u>	6.4	Sáu, bốn	C25LG2	
6	2310160032	Lê Thanh Hoài Phú	02/11/2004	<u>HP</u>	7	Bảy	C25TM1	
7	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005	<u>CF</u>	7.4	Bảy, bốn	C25LG1	
8	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005	<u>DP</u>	8.2	Tám, hai	C25LG2	
9	2310160019	Trần Trúc Phương	26/10/2005	<u>TP</u>	6.8	Sáu, tám	C25TM1	
10	2310160038	Nguyễn Nhựt Hà Phương	01/10/2005	<u>HP</u>	8.4	Tám, bốn	C25TM2	
11	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005	<u>HQ</u>	6.4	Sáu, bốn	C25LG2	
12	2310150023	Lê Hữu Thắng	13/07/2005	<u>HT</u>	6	Sáu	C25LG1	
13	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005	<u>KT</u>	7.4	Bảy, bốn	C25LG2	
14	2310160005	Phạm Thị Ngọc Thảo	26/09/2005	<u>PT</u>	8	Tám	C25TM1	
15	2310160033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	26/06/1996	<u>TT</u>	8.2	Tám, hai	C25TM1	
16	2310160021	Đinh Như Thiện	27/06/2005	<u>NT</u>	7	Bảy	C25TM1	
17	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005	<u>NT</u>	7.6	Bảy, sáu	C25LG1	
18	2310150043	Lê Thái Minh Thư	14/10/2005	<u>LT</u>	8.6	Tám, sáu	C25LG2	
19	2310160013	Nguyễn Trần Anh Thư	10/12/2005	<u>AT</u>	7.6	Bảy, sáu	C25TM1	
20	2310160018	Nguyễn Hoàng Kim Thư	17/03/2005	<u>KT</u>	5.8	Năm, tám	C25TM1	
21	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005	<u>HT</u>	6.8	Sáu, tám	C25LG2	
22	2310040022	Nguyễn Ngô Nhật Thuận	02/04/2005	<u>NT</u>	8.2	Tám, hai	C25TM1	
23	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	<u>LT</u>	6.2	Sáu, hai	C25LG2	
24	2310160023	Trần Thị Cẩm Tiên	24/12/2005	<u>TT</u>	6.8	Sáu, tám	C25TM1	
25	2310160007	Đoàn Thị Mỹ Tiên	31/03/2005	<u>MT</u>	7.6	Bảy, sáu	C25TM1	
26	2310160003	Huỳnh Thị Kim Trang	17/02/2005	<u>KT</u>	7.2	Bảy, hai	C25TM1	
27	2310150030	Trần Ngọc Trọng	04/01/2005	<u>NT</u>	4.6	Bốn, sáu	C25LG1	
28	2310160037	Nguyễn Minh Tú	23/11/2005	<u>MT</u>	8.4	Tám, bốn	C25TM2	
29	2310150042	Nguyễn Cẩm Tụ	30/10/2005	<u>CT</u>	7.4	Bảy, bốn	C25LG2	
30	2310150009	Nguyễn Mẫn Vinh	15/07/2005	<u>NV</u>	9	Chín	C25LG1	
31	2310160025	Lê Hoàng Vũ	30/09/2005	<u>LV</u>	9.4	Chín, bốn	C25TM1	
32	2310160012	Lê Thị Thúy Vy	10/03/2005	<u>TV</u>	8.6	Tám, sáu	C25TM1	
33	2310160024	Trần Lê Vy	21/07/2005	<u>TV</u>	8.6	Tám, sáu	C25TM1	
34	2310150010	Phạm Ngọc Thảo Vy	03/10/2004	<u>PT</u>	8.6	Tám, sáu	C25LG1	
35	2310150004	Nguyễn Hồng Yến	06/11/2005	<u>NY</u>	5.8	Năm, tám	C25LG1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 35

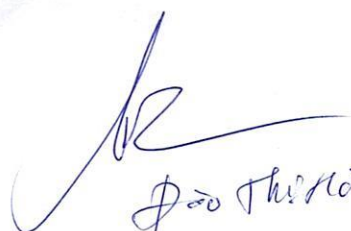
Số sinh viên đạt: 35

Ngày 21 tháng 11 năm 2023

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

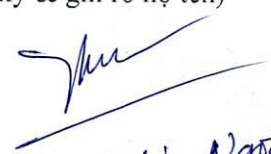
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

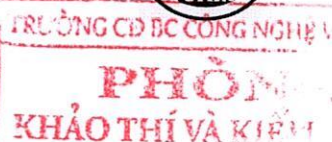
(ký & ghi rõ họ tên)


Đào Thị Hồng Hạnh

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902604

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Ngày thi: 21/11/2023

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Mai Văn Thành

Ký tên: Mai Văn Thành

Giám thị 2: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên: Trương Thị Ngọc Thu

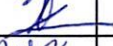
Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
2	2310160030	Phạm Nguyễn Trường An	29/09/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
3	2110040074	Nguyễn Quốc Anh	10/07/2002	<u>[Signature]</u>				C23CK1	
4	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
5	2310150025	Y- Bing	20/05/2003					C25LG1	<u>[Signature]</u>
6	2310160011	Huỳnh Thảo Chi	05/04/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
7	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
8	2310160034	Nguyễn Kiều Quốc Cường	06/02/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
9	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
10	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG2	
11	2310160016	Huỳnh Khánh Duy	16/12/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
12	2310150016	Trần Phạm Mỹ Duyên	18/06/2005					C25LG1	<u>[Signature]</u>
13	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
14	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	<u>[Signature]</u>				C25LG2	
15	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002	<u>[Signature]</u>				C25LG2	
16	2310160006	Hồ Thị Mỹ Hạnh	19/04/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
17	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG2	
18	2310160002	Trần Ngọc Minh Hân	10/12/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
19	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
20	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
21	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG2	
22	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
23	2310150005	Lê Thị Như Huỳnh	07/06/2005					C25LG1	<u>[Signature]</u>
24	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
25	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
26	2310160022	Nguyễn Phương Diễm Kiều	23/11/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
27	2310160001	Phạm Thị Mỹ Lệ	12/02/2000	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
28	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
29	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	<u>[Signature]</u>				C25LG1	
30	2310160026	Lê Thành Long	14/11/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
31	2310160008	Trần Hoàng Long	01/11/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
32	2310160036	Huỳnh Tấn Lộc	16/10/2004	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
33	2310160035	Nguyễn Minh Luân	08/11/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
34	2310160020	Lư Trúc Mai	07/05/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	
35	2310160015	Nhan Thanh Mai	14/12/2005	<u>[Signature]</u>				C25TM1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
36	2310150027	Nguyễn Trần Chúc Minh	11/08/2005					C25LG1	Vắng
37	2310150018	Cao Diễm My	29/05/2004					C25LG1	
38	2310160009	Nguyễn Thị Hà My	01/01/2004					C25TM1	
39	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005					C25LG2	
40	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005					C25LG1	
41	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005					C25LG2	
42	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002					C25LG1	
43	2310160010	Huỳnh Xuân Nhi	12/03/2005					C25TM1	
44	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005					C25LG1	
45	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005					C25LG1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 42 vắng thi: 03+1 Số bài thi/Số tờ: 42 / 42
Số sinh viên đạt: 41 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Hồng Hạnh

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2023-2024

Môn học: Tiếng Anh 1

Mã bài thi: SH43TP

Thời gian thi: 21/11/2023 09:30:00

Thời gian kết thúc: 21/11/2023 10:30:00

Giám thị 1: Minh Anh Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: Đanhy T. N. Tân Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C25LG1	
2	2310160030	Phạm Nguyễn Trường An	29/09/2005	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C25TM1	
3	2110040074	Nguyễn Quốc Anh	10/07/2002	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C23CK3	
4	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C25LG1	
5	2310160011	Huỳnh Thảo Chi	05/04/2005	<u>[Signature]</u>	9.4	Chín, bốn	C25TM1	
6	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C25LG1	
7	2310160034	Nguyễn Kiều Quốc Cường	06/02/2005	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C25TM1	
8	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C25LG2	
9	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/04/2005	<u>[Signature]</u>	9.4	Chín, bốn	C25LG2	
10	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C25LG1	
11	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C25LG2	
12	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C25LG1	
13	2310160016	Huỳnh Khánh Duy	16/12/2005	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C25TM1	
14	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C25LG2	
15	2310160002	Trần Ngọc Minh Hân	10/12/2005	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C25TM1	
16	2310160006	Hồ Thị Mỹ Hạnh	19/04/2005	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C25TM1	
17	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C25LG1	
18	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C25LG1	
19	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C25LG1	
20	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C25LG1	
21	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C25LG1	
22	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C25LG2	
23	2310160022	Nguyễn Phương Diễm Kiều	23/11/2005	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C25TM1	
24	2310160001	Phạm Thị Mỹ Lệ	12/02/2000	<u>[Signature]</u>	9.4	Chín, bốn	C25TM1	
25	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C25LG1	
26	2310150003	Thương Thị Khánh Linh	31/10/2005	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C25LG1	
27	2310160036	Huỳnh Tân Lộc	16/10/2005	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C25TM1	
28	2310160026	Lê Thành Long	14/11/2005	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C25TM1	
29	2310160008	Trần Hoàng Long	01/11/2005	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C25TM1	
30	2310160035	Nguyễn Minh Luân	08/11/2005	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C25TM1	
31	2310160020	Lư Trúc Mai	07/05/2005	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C25TM1	
32	2310160015	Nhan Thanh Mai	14/12/2005	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C25TM1	
33	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C25LG2	
34	2310160009	Nguyễn Thị Hà My	01/01/2004	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C25TM1	
35	2310150018	Cao Diễm My	29/05/2004	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C25LG1	
36	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C25LG1	
37	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C25LG2	
38	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C25LG1	
39	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C25LG1	
40	2310160010	Huỳnh Xuân Nhi	12/03/2005	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C25TM1	
41	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C25LG1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.
- Số sinh viên dự thi: 41

Số sinh viên đạt: 41

Ngày 22 tháng 11 năm 2023**TRƯỞNG KHOA/PHÒNG**

(ký & ghi rõ họ tên)



Đào Thị Hồng Hạnh

Ngày 22 tháng 11 năm 2023**GIẢNG VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



Trương Thị Ngọc Thu